TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 07/2023/ HNGĐ - ST
Ngày 18 - 01 - 2023
"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: bà Tô Thị Thịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Xuyến
2. Ông Thái Quang Định

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vũ Thị Trà M; địa chỉ cư trú: tổ 2, khu TL 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: anh Trần Văn H; địa chỉ cư trú: tổ 2, khu TL 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người làm chứng: bà Lê Thị H; địa chỉ cư trú: tổ 2, khu TL 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị Trà M trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và anh Trần Văn H tự nguyện kết hôn tại UBND phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi về chung sống tại tổ 2, khu TL 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến tháng 8 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra cãi mắng, chửi bới, xúc phạm nhau. Vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 11 năm

2020 cho đến nay, khi ly thân tôi về nhà bố mẹ đẻ cũng tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí sinh sống; hai người không quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng tôi cũng được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: quá trình chung sống giữa tôi và anh H có 02 con chung tên là Trần Vũ Tuấn P, sinh ngày 08/3/2014 và Trần Vũ Tuấn A, sinh ngày 01/8/2020. Nay vợ chồng ly hôn tôi nhất trí để anh H được nuôi dưỡng con Trần Vũ Tuấn P, còn tôi nuôi dưỡng con Trần Vũ Tuấn A vì cháu Tuấn A hiện nay còn quá nhỏ, chưa được 03 tuổi nên cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ mẹ; tôi và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị M trình bày, hiện nay chị đang kinh doanh dịch vụ Spa thẩm mỹ tại Chợ Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, thu nhập trung bình từ 08 đến 10 triệu đồng/ 1 tháng. Còn anh H cũng có nghề nghiệp ổn định, lái xe taxi, thu nhập trung bình khoảng từ 06 đến 08 triệu đồng/ 1 tháng nên cả hai đều có điều kiện, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tôi có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trần Văn H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: vào năm 2013, tôi và chị Vũ Thị Trà M tự nguyên kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về sống tại tổ 2, khu TL 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Trong thời gian chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, chỉ thỉnh thoảng do bất đồng về quan điểm sống nên cả hai có xảy ra cãi cọ nhau. Đến khoảng cuối năm 2020, mâu thuẫn phát sinh căng thẳng, chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Vũ Thị Trà M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với tôi, quan điểm của tôi là mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái khôn lớn, trưởng thành. Nếu chị M cương quyết ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: quá trình chung sống giữa tôi và chị M có 02 con chung tên là Trần Vũ Tuấn P, sinh ngày 08/3/2014 và Trần Vũ Tuấn A, sinh ngày 01/8/2020. Nếu phải ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng 01 con chung đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tôi có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Người làm chứng bà Lê Thị H trình bày:*** tôi là mẹ đẻ của anh Trần Văn H. Chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Văn H kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn chị M và anh H về chung sống cùng vợ chồng tôi tại tổ 2, khu TL 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh được khoảng 02 năm thì vợ chồng tôi xây nhà cho chị M và anh H ra ở riêng. Trong thời gian chung sống giữa chị M và anh H không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, chỉ thỉnh thoảng vợ chồng có bất đồng

quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên có xảy ra cãi vã. Gia đình hai bên có tìm cách hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến cuối năm 2020, chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, chị M và anh H sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H, quan điểm của tôi là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Giữa chị M và anh H có 02 con chung, nếu chị M và anh H ly hôn, tôi có nguyện vọng Tòa án giải quyết cho anh H được nuôi dưỡng 01 con chung.

Ngoài ra, bà H còn trình bày: các văn bản Tòa án tống đạt cho anh H, bà H là người nhận thay cho anh H; bà đã giao và thông báo kịp thời cho anh H các văn bản trên, việc anh H không đến Tòa án để làm việc là do anh H không đồng ý ly hôn với chị M.

* Tòa án tiến hành lấy lời khai của con trên bảy tuổi của chị M và anh H là cháu Trần Vũ Tuấn P. Khi được hỏi ý kiến, cháu P trình bày: nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ quan tâm và chăm sóc cháu tốt hơn.

* Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, ông Nguyễn Ngọc T – Trưởng khu TL 1, phường P, thành phố U cho biết: chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố U vào năm 2013. Sau khi kết hôn hai người về chung sống cùng bố mẹ chồng tại tổ 2, khu TL 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống tại địa phương cả hai cũng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau; nguyên nhân là do vợ chồng trẻ, tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Tổ hòa giải của khu phố đã nhắc nhở và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến cuối năm 2020, cả hai đã sống ly thân nhau. Về con chung: giữa chị M và anh H có 02 người con chung là Trần Vũ Tuấn P, sinh năm 2014 và Trần Vũ Tuấn A, sinh năm 2020; khi sống ly thân thì các con chung đều sống cùng chị M, còn anh H ở một mình tại tổ 2, khu TL 1, phường P, thành phố U. Việc chị M đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H và được nuôi dưỡng hai con chung, quan điểm của địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Vũ Thị Trà M được ly hôn với anh Trần Văn H; giao con chung Trần Vũ Tuấn P, sinh ngày 08/3/2014 cho anh H và giao con

chung Trần Vũ Tuấn A, sinh ngày 01/8/2020 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Trà M thì đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, anh Trần Văn H có địa chỉ cư trú tại tổ 2, khu TL1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn, anh Trần Văn H: tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2022, anh H trình bày do công việc của anh hiện nay khó sắp xếp được thời gian nghỉ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh; vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn H theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Văn H tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị M và anh H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, cả hai không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh H không đồng ý vì mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái khôn lớn, trưởng thành.

Xét thấy: giữa chị M và anh H có mâu thuẫn, cả hai có bất đồng quan điểm sống, hiện nay đã sống ly thân, hai người không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Mặt khác, việc anh H không đồng ý ly hôn với chị M không phải vì anh H còn tình cảm với chị M mà chỉ là để nứu giữ một gia đình trọn vẹn, để các con có đầy đủ bố mẹ cùng chăm lo, tránh thiệt thòi cho các con.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã mở các phiên họp, phiên hòa giải để các bên có điều kiện gặp gỡ, thỏa thuận với nhau về những vấn đề có tranh chấp. Anh Trần Văn H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được thông báo về thời gian, địa điểm mở các phiên họp, phiên hòa giải nhưng vắng mặt, không có lý do. Như vậy có thể thấy anh H không còn mong muốn vợ chồng hòa giải, khắc phục những mâu thuẫn trở về đoàn tụ.

Từ đó xác định: mâu thuẫn giữa chị M và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị M được ly hôn anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Văn H có hai con chung là cháu Trần Vũ Tuấn P, sinh ngày 08/3/2014 và cháu Trần Vũ Tuấn A, sinh ngày 01/8/2020. Tại phiên tòa, chị M nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người nuôi một con, chị nhận nuôi con Tuấn A, để anh Hải nuôi con Tuấn P đến tuổi trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù chị M và anh H sống ly thân nhau, chị M về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng vẫn tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí; trong thời gian sống ly thân, chị M cho biết anh H vẫn thường xuyên qua lại thăm nom con, đón các con về chơi, quan tâm chăm sóc các con. Mặt khác, chị M và anh H hiện nay đều có công việc và thu nhập ổn định, tại thời điểm Tòa án xác minh thì anh H đang chờ xin việc nhưng đến nay theo chị M trình bày anh H cũng đã đi lái xe taxi, thu nhập từ 06 đến 08 triệu đồng/ 1 tháng nên cả chị M và anh H đều có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần giao cho chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tuấn A và giao cho anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tuấn P đến tuổi trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự xác định có tài sản chung và nợ chung, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: chị Vũ Thị Trà M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: *chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Trà M được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: giao cho chị Vũ Thị Trà M có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên là Trần Vũ Tuấn A, sinh ngày 01/8/2020; giao cho anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên là Trần Vũ Tuấn P, sinh ngày 08/3/2014, kể từ ngày xét xử (ngày 18/01/2023) cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Văn H cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Vũ Thị Trà M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006955 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện KSND thành phố Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND phường Phương Đông, TP Uông Bí);
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tô Thị Thịnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Xuân Giới **Lương Xuân Sớm** **Tô Thị Thịnh**